

Số: **09/2018/QĐST –DS**

B, ngày 06 tháng 2 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 1 năm 2018 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về dân sự sơ thẩm thụ lý số 541/2017/ TLST – DS ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Quốc V, sinh năm 1977;

Bà **Lương Thị Hoàng A**, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: 128, tổ 35A, khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Tấn Phước V**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 1B3, đường 30/4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Theo giấy ủy quyền ngày 10/7/2017.

Bị đơn:* Bà **Lâm K, sinh năm 1963;

Ông **Lương Vĩnh P**, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: 141/9/8/5A, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Quốc T**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 268, đường 30/4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Theo giấy ủy quyền ngày 06/12/2017.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Lương Vĩnh P và bà Lâm K đồng ý thanh toán cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc V, bà Lương Thị Hoàng A số tiền 374.274.375đ (ba trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

- Ông Nguyễn Quốc V, bà Lương Thị Hoàng A có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 4701110835 được UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14/11/2002 cho vợ chồng ông Lương Vĩnh P và bà Lâm K.

- Về án phí DSST-HGT: ông P, bà K phải nộp 4.678.450đ (bốn triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng). Ông V, bà A phải nộp 4.678.450đ (bốn triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 002910 ngày 19/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự TP.B.

Hoàn trả cho ông V, bà A số tiền 5.511.550đ (năm triệu năm trăm mười một nghìn năm trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 002910 ngày 19/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự TP.B.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Lưu hồ sơ vụ án (01),
- Đường sự (02),
- VKS ND TP.B (02),
- TAT.ĐN (01),
- THADSTPBH (01).

Thẩm phán

Thái Thị Thanh Bình

